| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**PHƯỜNG EA KAO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1981/QĐ-UBND | *Ea Kao, ngày 03 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Cải tạo, sửa chữa khu vực TDP 11 và đường Đào Duy Anh (5 tuyến); hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước và hệ thống ATGT**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG EA KAO

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025; Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 về hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 về hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 về ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 050/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21/8/2026 của HĐND phường Ea Kao về việc bổ sung danh mục dự án đầu tư năm 2026 từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh và nguồn đối ứng ngân sách phường;*

*Căn cứ Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 của UBND phường Ea Kao về việc chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, sửa chữa khu vực TDP 11 và đường Đào Duy Anh (5 tuyến);*

*Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của UBND phường Ea Kao về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công đợt 1, năm 2026 tại Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 của UBND phường Ea Kao và giao bổ sung danh mục công trình, dự án năm 2026 từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk;*

*Trên cơ sở Thông báo kết quả thẩm định số 267/KQTĐ-KTHT&ĐT ngày 28/10/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Cải tạo, sửa chữa khu vực TDP 11 và đường Đào Duy Anh (5 tuyến);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 410/TTr-KTHT&ĐT ngày 29/10/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án: Cải tạo, sửa chữa khu vực TDP 11 và đường Đào Duy Anh (5 tuyến) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa khu vực TDP 11 và đường Đào Duy Anh (5 tuyến);

   Hạng mục: Nền, mặt đường, công trình thoát nước và hệ thống ATGT.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Dự án nhóm C, công trình giao thông cấp IV; thời hạn sử dụng của công trình chính theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

3. Địa điểm xây dựng: Phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Ea Kao.

5. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Ea Kao.

6. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Việt Bắc, mã số doanh nghiệp 6000991464.

7. Mục tiêu dự án:

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng các khu dân cư phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk trong thời điểm hiện tại và theo quy hoạch xây dựng của địa phương định hướng đến năm 2030.

- Phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng khu dân cư nhằm ổn định cuộc sống người dân, góp phần đảm bảo kết nối với các trung tâm kinh tế khác, đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trong khu vực.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Cấp công trình: Cấp IV.
- Vận tốc thiết kế: 20 km/h.
- Tải trọng tính toán thiết kế mặt đường: Trục xe 25kN.
- Tải trọng thiết kế công trình thoát nước: 0,65HL93;
- Tần suất tính toán thủy văn nền đường, công trình thoát nước: p=4%;
- Kết cấu áo đường: BTXM.

8.1. Vị trí xây dựng: Thuộc địa phận phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk.

Các trục tuyến thuộc khu vực TDP 11 gồm 05 tuyến, tổng chiều dài L=3.519,69m, gồm:

- Tuyến 1: Đường Trần Thủ Độ đoạn từ Võ Văn Kiệt đến hẻm 37 Trần Thủ Độ, L=675,98m. Điểm đầu giao Võ Văn Kiệt, điểm cuối giao với hẻm 37 Trần Thủ Độ.

- Tuyến 2: Đường Trần Thủ Độ đoạn từ hẻm 37 Trần Thủ Độ đến Đào Duy Anh, L=386,31m. Điểm đầu giao với hẻm 37 Trần Thủ Độ, điểm cuối giao với đường Đào Duy Anh.

- Tuyến 3: Đường Đào Duy Anh, L=1.613,12m. Điểm đầu giao cuối đường Trần Thủ Độ, điểm cuối giao với ngã 3 giao với hẻm 174 Ywang, hẻm 21/9 Nguyễn An Ninh.

- Tuyến 4: Đường hẻm 37 Trần Thủ Độ, L=449,33m. Điểm đầu giao đường Trần Thủ Độ, điểm cuối giao với đường Đào Duy Anh.

- Tuyến 5: Đường nhánh hẻm 37 Trần Thủ Độ, L=394,95m. Điểm đầu giao đường Đào Duy Anh, điểm cuối giao với hẻm 37 Trần Thủ Độ.

8.2. Bề rộng:

- Tuyến 1, tuyến 2, tuyến 3:

+ Nền đường: Bn = 7,00m;

+ Mặt đường: Bm = 5,50 m, trong đó gồm trung bình 3,00m đã XD mặt BTXM (giữ nguyên) và mặt đường XD mở rộng trung bình 1,25m x 2 bên;

+ Lề đường: Bl = 0,75m x 2 bên;

- Tuyến 4 và tuyến 5;

+ Nền đường: Bn = 5,50m;

+ Mặt đường: Bm = 4,50 m;

+ Lề đường: Bl = 0,50m x 2 bên;

- Độ dốc ngang mặt đường: im = 2%.

- Độ dốc ngang lề đường: il=4%.

8.3. Nền đường:

- Đối với nền đường đắp: Lu lèn đảm bảo độ chặt Kyc ≥ 0,95.

- Đối với nền đường đào và nền đường không đào không đắp: Cày xới, lu lèn nền đất, chiều sâu tác dụng 30cm tính từ đáy áo đường xuống, độ chặt Kyc ≥ 0,95.

- Các đoạn nền thiên nhiên dốc ngang hơn 20% trước khi đắp phải đánh cấp chiều rộng cấp là 0,5m.

- Độ dốc ngang nền đường: theo độ dốc mặt đường.

- Mái dốc nền đào: 1/1. Mái dốc nền đắp: 1/1,5.

- Mái dốc ta luy rãnh dọc: Phía nền đường 1/1,5, phía ngoài 1/1.

8.4. Mặt, lề đường:

- Tuyến 1, tuyến 2, tuyến 3:

+ BTXM đá 1x2 M250 dày 18cm.

+ Giấy dầu (01 lớp).

+ Cấp phối đá dăm loại 2 (Dmax=37.5mm), dày 12cm, K>0.98.

+ Lề đường: Đất cấp 3, K>0,95.

- Tuyến 4 và tuyến 5;

+ BTXM đá 1x2 M250 dày 14cm.

+ Giấy dầu (01 lớp).

+ Cấp phối đá dăm loại 2 (Dmax=37.5mm), dày 12cm, K>0.98.

+ Lề đường: Đất cấp 3, K>0,95.

* Khe co dãn, khe dọc:

- Khe co vuông góc với tim đường, cách nhau 4,0m.

- Khe dãn vuông góc với tim đường, cách nhau 48m.

- Cấu tạo khe co: Chiều rộng 8mm, chiều sâu 40mm bằng nhựa đường.

- Cấu tạo khe dãn: Phía trên chiều rộng 25mm, chiều sâu 40mm bằng nhựa đường. Phía dưới gỗ chèn khe dày 25mm.

- Cấu tạo khe dọc cho tuyến 1, tuyến 2, tuyến 3 (dọc mép bê tông cũ và bê tông mới):

+ Chiều rộng 8mm, chiều sâu 40mm bằng nhựa đường.

+ Liên kết với bê tông cũ bằng khoan neo thép xiên 35độ, lỗ khoan D20mm, thép neo D14, cách khoảng 50cm, bơm bít lỗ khoan bằng vữa sika grout.

- Cấu tạo khe dọc cho tuyến 4, tuyến 5.

+ Đặt theo tim đường.

+ Chiều rộng 8mm, chiều sâu 40mm bằng nhựa đường.

8.5. Gia cố mái taluy:

Bên trái tại Km1+00-:-Km1+119 thuộc tuyến 3 là khu vực rãnh sâu nước tập trung nhiều khi có mưa lớn gây xói lở, vì vậy gia cố mái ta luy các đoạn này bằng bê tông xi măng như sau với kết cấu:

- Phạm vi: Từ Km1+00-:-Km1+119,27, L=119,27m.

- Mái ta luy bằng BT đá 1x2 M200 dày 15cm trên lớp vữa đệm M75 dày 3cm.

- Chân khay bằng BTXM đá 1x2 M200, kích thước 40x80cm trên lớp dăm đệm dày 10cm.

8.6. Công trình thoát nước:

- Rãnh thoát nước: Rãnh đất tự nhiên, tiết diện hình thang tuyến 1, tuyến 2 và tuyến 3 rộng 0,4m, sâu 0,4m, tuyến 4, tuyến 5 rộng 0,3m, sâu 0,3m.

- Cống thoát nước giữ nguyên 07 cái gồm: 1 cống tròn 2D100cm, 5 cống bản Lo=80cm và 1 cống bản Lo=100cm.

- Cống thoát nước thiết kế nối dài 06 cái gồm: 5 cống bản Lo=80cm và 1 cống tròn D30cm.

- Cống thoát nước thiết kế mới: 01 cái.

- Quy mô và kết cấu:

+ Tải trọng thiết kế: 0.65HL93.

+ Kết cấu bằng BT và BTCT.

+ Tấm bản, ống cống BTCT đúc sẵn mác 250.

+ Móng, thân cống, gia cố sân cống thượng hạ lưu bằng bê tông đá 1x2 mác 150.

8.7. Hệ thống an toàn giao thông:

a) Hệ thống cọc tiêu:

- Đoạn mái ta luy đắp cao và phạm vi cống: Bố trí hai bên cách khoảng 2m (có bảng chi tiết kèm theo).

- Cấu tạo cọc tiêu: BTCT 15cm x15cm x120cm.

b) Biển báo:

- Trên các trục tuyến có 21 biển báo cũ còn tốt nhưng vị trí và cao trình không phù hợp với mặt cắt ngang mới nên tận dụng, tháo dỡ, lắp đặt lại.

- Bổ sung các vị trí còn thiếu và biển báo cũ hư hỏng: 34 vị trí (có bảng chi tiết kèm theo).

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

| TT | TÊN QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN | SỐ HIỆU |
|---|---|---|
| 1 | Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát | TCCS31:2020/TCĐBVN |
| 2 | Tiêu chuẩn quốc gia về công tác trắc địa trong XDCT | TCVN 9398:2012 |
| 3 | Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu | TCCS 41:2022/TCĐBVN |
| 4 | Qui trình khoan thăm dò địa chất công trình | TCVN 9437:2012 |
| 5 | Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông | TCCS 39:2022/TCĐBVN |
| 6 | Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ | TCVN 9845:2013 |
| 7 | Tiêu chuẩn thiết kế cầu cống | TCVN 11823:2017 |
| 8 | Đường ô tô- Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 4054:2005 |
| 9 | Tiêu chuẩn đường đô thị - Yêu cầu thiết kế | TCVN 13592:2022 |
| 10 | Tổ chức thi công | TCVN 4055:2012 |
| 11 | Công tác đất – Quy phạm thi công và nghiệm thu | TCVN 4447:2012 |
| 12 | Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu | TCVN 9361:2012 |
| 13 | Thi công và nghiệm thu kết cấu BT và BTCT lắp ghép | TCVN 9115:2019 |
| 14 | Vật liệu, TC và NT lớp móng CPĐD trong KC đường ô tô TCVN | TCVN 8859:2023 |
| 15 | Vật liệu, TC và NT lớp kết cấu áo đường ô tô bằng CPTN | TCVN 8857:2011 |
| 16 | Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông | TCCS 40:2022/TCĐBVN |
| 17 | Cầu và Cống – Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu | TCCS05:2012/TCĐBVN |
| 18 | Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ | QCVN 41:2024/BGTVT |
| Các quyết định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và công bố. | | |

10. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

10.1. Tổng mức đầu tư: **9.000.000.000 đồng** (*Chín tỷ đồng*).

10.2. Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

| | | |
|---|---|---|
| + Chi phí xây dựng | 7.660.387.000 | đồng |
| + Chi phí quản lý dự án | 210.591.000 | đồng |
| + Chi phí tư vấn xây dựng | 635.592.000 | đồng |
| + Chi phí khác | 85.146.000 | đồng |
| + Chi phí dự phòng | 408.284.000 | đồng |

11. Thời gian thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư; thời hạn hoạt động của dự án: Dự án khởi công và hoàn thành giai đoạn 2026-2028.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án:

12.1. Nguồn vốn: Ngân sách phường Ea Kao (đã giao tại Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của UBND phường Ea Kao).

12.2. Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo thời gian thực hiện dự án: Giai đoạn 2026-2028.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án (thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/06/2026 của Chính phủ).

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

**Điều 2**. Tổ chức thực hiện.

Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này và Thông báo kết quả thẩm định số 267/KQTĐ-KTHT&ĐT ngày 28/10/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Ea Kao. Đồng thời tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND phường;
- KBNN khu vực XIV, PGD số 7;
- Lưu: VT (X.7b).

**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D PHƯỜNG EA KAO T. ĐẮK LẮK

**Đỗ Đức Hà**